



PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 329, NĂM THỨ 27

THÁNG 12-2021



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TỈNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Tinh tấn tu học</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP biến cải tâm linh</u>	H. Phong chuyển ngữ	4
<u>Pháp Cú: 380 Phẩm Tỳ Kheo</u>	HT. Thích Minh Châu dịch	16
<u>Hư Hư Lục: Dasaka</u>	Thích Nữ Như Thủy	16
<u>Câu chuyện that của một Bs tâm thần</u>	Th. Tâm Quang dịch	17
<u>Sư hồi sinh của Phật Giáo Ấn Độ</u>	Thích Trí Quảng	24
<u>Thập đại đề từ của Đức Phật</u>	Theo Wikipedia	27
<u>Người Mẹ già</u>	Bùi Phạm Thành chuyển ngữ	29
<u>Thơ: Nhìn ngon nền khuya</u>	Tuệ sỹ	31

Tranh bìa

Hoa Sen

Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có

bài đăng trong

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Tinh tấn tu học

Dịch bệnh càng bùng phát, sự lây lan và chết chóc càng nhiều làm cho nhiều người lo sợ. Đó chính là sự bất an của tinh thần, nó sẽ gây ra nhiều hệ lụy cho cuộc đời, trong cuộc sống hàng ngày sẽ không có an vui.

Do đó chúng ta cần phải giữ cho tâm mình thanh tịnh, giữ cho gia đình luôn an vui trong đời sống hàng ngày, phải tu nhân tích đức, giúp những người nghèo khó trong giai đoạn hiện tại, nhiều người bị thất nghiệp thiếu ăn, họ rất cần sự giúp đỡ của người khác để được no lòng ấm dạ, đêm ngủ trọn giấc, sức khỏe đầy đủ, bệnh tật khó thâm nhập.

Phật dạy về nghiệp, có biệt nghiệp và cộng nghiệp, trong thời buổi này, cộng nghiệp là mọi người ai cũng bị dịch bệnh Covid-19 chi phối, trong đời sống hằng ngày ở ngoài xã hội hay ở trong gia đình, nhưng có người vương phải bệnh, có người không đó là biệt nghiệp của từng người.

Phật cũng dạy, chúng ta tu để chuyển nghiệp, kẻ giàu người nghèo cũng thuộc về nghiệp, người khỏe người bệnh cũng thuộc về nghiệp. Cho nên chúng ta ráng tu nhân tích đức để chuyển nghiệp nhân xấu thành nghiệp quả tốt.

Chúng ta phải ăn hiền ở lành đối với xã hội và trong gia đình của chúng ta, luôn luôn tinh tấn hàng ngày tụng kinh, niệm Phật, giúp đỡ những người nghèo khó. Những cảnh đời hàng ngày xảy ra trước mắt chúng ta, bên tai chúng ta để chúng ta luôn luôn tinh tấn tu học cho bản thân mình và sách tấn những người bên cạnh trong gia đình hay bạn bè ngoài xã hội.

Mỗi cá nhân chúng ta đều có liên quan đến mọi người chung quanh, cho nên sự tinh tấn tu học của bản thân nhưng nó sẽ có ảnh hưởng đến mọi người, chúng ta không thấy được nhưng cái đó có, nó là môi trường sống của con người luôn có tác động lẫn nhau.

Thế cho nên chúng ta cần tinh tấn tu hành, giúp cải tạo xã hội tốt hơn, giúp cho dịch bệnh mau qua, đem lại sự an vui cho mọi người.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyên ngữ

Chương III

Lời nguyện của người bồ-tát

Bài 16 - Lời nguyện của người bồ-tát

Bài 17 - Mười đại nguyện của người bồ-tát

Bài 18 - Đại thừa và Tiểu thừa

Bài 19 - Bốn đại nguyện của người bồ-tát

Bài 20 - Tôi nguyện cầu sẽ giải tỏa được mọi khó khăn cho tất cả chúng sinh

Bài 21- Tôi nguyện cầu sẽ loại trừ được tất cả mọi đam mê

Bài 16

Lời nguyện của người bồ-tát

Trên đây là phương cách hiển hiện của bodhicitta/bồ-đề tâm (*xin xem lại nếu cần các bài 14 và 15, chương II, nói về sự xuất hiện của bodhicitta*). Nếu muốn bước vào con đường của người bồ-tát thì cần phải có một con tim hừng hực niềm ước vọng tất cả chúng sinh đều loại bỏ được mọi khổ đau và đạt được Giác ngộ. Thế nhưng sự hiển hiện đó của bodhicitta (bồ-đề tâm) cũng chỉ là giai đoạn đầu tiên trong số mười giai đoạn gọi là *bhumi* (*bhumi là tiếng Phạn, nguyên nghĩa là "địa giới"/ground. Kinh sách Hán ngữ gọi mười địa giới là "thập địa", mỗi địa giới là một cấp bậc thăng tiến của người bồ-tát*) trên đường Giác ngộ. Con đường đó rất dài, vậy người bồ-tát còn phải làm những gì sau giai đoạn đầu tiên là sự hiển hiện của bodhicitta? Đối với tất cả chúng ta, sự kiện

bodhicitta đã hoặc chưa hiện lên với mình là một yếu thật quan trọng, bởi vì một khi bodhicitta thật sự hiện lên với một vị bồ-tát thì âm hưởng của nó sẽ tác động và ảnh hưởng sâu đậm đến cung cách hành xử và cả cuộc sống tâm linh của vị ấy, khác hẳn với các vị bồ-tát khác khi bodhicitta chưa hiện lên với họ.

Nên hiểu rằng thể dạng bodhicitta trên đây chỉ là bodhicitta tương đối. Như chúng ta được biết (*xin xem lại các định nghĩa về bodhicitta "tương đối" và "tuyệt đối" trong bài 11, chương II*), bodhicitta tuyệt đối vượt thoát các yếu tố thời gian và không gian và cũng chính là sự Giác ngộ. Vì thế, qua một góc nhìn nào đó thì bodhicitta tuyệt đối mang các kích thước vô tận, vượt khỏi tầm tay của chúng ta. Trái lại, bodhicitta tương đối hiển lộ trong các bối cảnh còn liên hệ với không gian và thời gian, do đó chúng ta có thể cảm nhận được nó. Như chúng ta được biết, bodhicitta tương đối thường được xem như có hai thể dạng khác nhau: thể dạng thứ nhất chính là những lời nguyện ước, thể dạng thứ hai là sự thực hiện những lời nguyện ước đó. Thể dạng thực hiện gồm có sáu *paramita* (*là tiếng Phạn, có nghĩa là sự toàn thiện hay sự hoàn hảo siêu nhiên, tiếng Anh dịch chữ này là transcendental perfection, kinh sách Hán ngữ dịch âm là Ba-la-mật hoặc dịch từ chương là "Đáo-bi-nạn", có nghĩa là "Sang được bờ bên kia". Mở rộng hơn nữa thì thuật ngữ này có nghĩa là "thực hiện được sự quán thấy sâu xa về bản chất đích thật của mọi hiện tượng giúp*

người tu tập vượt lên trên sự tàn phá của các xúc cảm bất loạn do chúng gây ra, và nhờ đó sẽ thoát ra khỏi cảnh giới luân hồi". Bám víu vào các sự hiểu biết sai lầm về thế giới hiện tượng là nguyên nhân sâu xa nhất khiến mình bị lôi cuốn và trói buộc trong thế giới đó) là sáu phẩm tính hay sáu sự hoàn thiện siêu nhiên, mang lại sự Giác ngộ cho người bồ-tát. Sáu *paramita* là: sự **hào phóng** (*hào hiệp, độ lượng/generosity*), sự **ngay thẳng** (*cuong trực, thẳng thắn, lương thiện/rectitude, probity, droiture*), sự **kiên trì** (*bền chí, nhẫn nhục/patience*), **cường lực** (*cuong quyết, hăng say/vigor, force*), **thiền định** (*meditation*) và **trí tuệ** (*wisdom*).

Pranidhanna hay lời nguyện ước trịnh trọng

Trước hết chúng ta hãy tìm hiểu xem vai trò của bodhicitta trong lời nguyện ước của người bồ-tát có nghĩa là gì. Đây cũng là điểm then chốt nhất của Đại thừa trong lãnh vực thực hành. Tiếng Phạn gọi các lời nguyện ước là *pranidhanna*, các ngôn ngữ của chúng ta (*những người Tây phương*) dịch chữ này là sự kiên quyết (resolution), quyết tâm (determination) hay hứa hẹn (promise, affirmation). Har Dayal (*là một chính trị gia người Ấn, 1884-1939, tranh đấu cho tự do, nhân quyền và cách mạng dân tộc*) dịch chữ này là sự "mong cầu chân thật" (sincere wish), thế nhưng cách dịch này vẫn còn quá yếu. Người ta có thể "mong cầu" một điều gì đó, thế nhưng không có nghĩa là bắt buộc mình phải "thực hiện" điều đó, hầu sự mong cầu ấy của mình trở thành sự thật. Người bồ-tát không phải chỉ đơn giản mong cầu tất cả chúng sinh đều đạt được Giác ngộ, mà phải làm tất cả những gì mà mình có thể làm được để biến sự mong cầu ấy trở thành hiện thật. *Pranidhanna* do đó không đơn giản chỉ là một sự ước nguyện

thành kính mà còn là một sự hứa hẹn trịnh trọng và nghiêm chỉnh. Lời ước nguyện đó phải được xướng lên một cách công khai trước mặt mọi người và nhất là phải giữ lời, dù gặp bất cứ một khó khăn nào. Người ta có thể xem người bồ-tát thốt lên những lời nguyện ước đó trước toàn thể vũ trụ và sự chứng kiến của tất cả chúng sinh, trong lúc bodhicitta đang hiện lên với mình. Lời nguyện ước trịnh trọng một khi đã được thốt lên thì phải giữ lời. Thật ra đây cũng là đặc tính chủ yếu nhất của bất cứ một lời nguyện ước nào. Nếu cứ ước nguyện để rồi không màng đến nữa thì điều đó cho thấy mình chưa sẵn sàng thực hiện những lời ước nguyện ấy của mình. Nguyện ước là một hình thức hứa hẹn nghiêm chỉnh, thế nhưng ngay cả đối với các chuyện hứa hẹn hàng ngày, nhiều người cũng đã thất hứa, chẳng hạn như không đến gặp một người nào đó, vào đúng giờ nào đó, tại một nơi nào đó. Vì thế việc tôn trọng những lời ước nguyện là một điều rất khó. Thực hiện chu đáo những lời mình nói ra, dù đây chỉ là những chuyện nhỏ nhặt, là cách luyện tập giúp mình chuẩn bị, trước khi thốt lên những lời hứa hẹn trịnh trọng hơn.

Nếu nghĩ rằng mình sẽ phát nguyện một ước vọng nào đó thì tốt hơn hết trước đó nên thăm dò ý kiến của các bạn đồng tu với mình, bởi vì họ có thể hiểu rõ bản tính mình hơn cả chính mình, họ biết rõ hơn mình về khả năng tôn trọng của mình trước những lời phát nguyện mà mình muốn thốt lên. Dù những lời phát nguyện đó là gì, chẳng hạn như ngưng hút thuốc, tiết dục suốt đời mình, thiền định hai giờ mỗi ngày, v.v., thì trước hết hãy cứ thực hiện thử xem sao. Cách tốt nhất là hãy cứ tuân tự từng chút một, bắt đầu cố gắng giữ lời trong một tháng, sau đó là hai tháng, sáu tháng, một năm, v.v. Xướng lên những lời nguyện ước của mình một

cách công khai trước sự chứng kiến của toàn thể Tăng đoàn, hoặc một số bạn bè đồng tu, sẽ tạo thêm sự trịnh trọng và trang nghiêm cho những lời nguyện ước của mình. Những người chứng kiến sẽ tiếp tục giúp mình tôn trọng những lời nguyện ước đó của mình, bởi vì nếu thất hứa thì sự thất vọng của họ sẽ ghép thêm vào sự thất vọng của chính mình (*thất hứa không phải chỉ là một sự thất vọng của riêng mình mà của cả những người chung quanh tin tưởng nơi sự thành thật của mình*).

Có hai thái độ cực đoan: thái độ thứ nhất là phát nguyện các ước vọng của mình một cách hời hợt hoặc quá vội vã, thái độ thứ hai là tìm cách tránh né không thật sự dân thân. Con đường trung đạo là phải tự áp đặt một số giới luật riêng cho mình (*giúp mình chống lại các khía cạnh yếu kém của bản thân mình*), thế nhưng cũng nên tham khảo ý kiến của các bạn đồng tu về các giới luật đó. Giới luật tuy kém quan trọng hơn so với những lời ước nguyện, thế nhưng giữ gìn giới luật cũng là cách giúp mình chuẩn bị, trước khi có thể thốt lên những lời phát nguyện.

Là một người Phật giáo, tất nhiên chúng ta phải quyết tâm tuân thủ năm hoặc mười giới luật căn bản nhất, và phải tôn trọng các giới luật đó thật nghiêm chỉnh. Dầu sao chúng ta cũng không nên phát nguyện các ước vọng của mình quá sớm, trước khi nhận thấy mình đã giữ gìn được các giới luật ấy thật nghiêm túc. Tóm lại, chúng ta không được phép phát nguyện các ước vọng của người bồ-tát quá vội vã.

Bản chất của những lời ước nguyện liên hệ mật thiết với bản chất của bodhicitta (*xin nhắc lại: bodhicitta kinh sách tiếng Hán gọi là bồ-đê-tâm*). Dù mang tính cách toàn cầu (*chung cho tất cả mọi người*) thế nhưng

bodhicitta hiện lộ từ bên trong mỗi cá thể, trực tiếp tác động đến cá thể ấy, xuyên qua những lời ước nguyện của chính cá thể ấy (*có thể xem lại bài 12 chương II, nói về "Quyết tâm giác ngộ"*). Người ta có thể xem các lời nguyện ước đó như là một sự biểu lộ cụ thể của bodhicitta trong cuộc sống và qua các công trình thực hiện của người bồ-tát.

Kinh sách thường nói đến "ước vọng" của người bồ-tát, thế nhưng thật ra mỗi ước vọng đó thường gồm cả một loạt những lời nguyện ước khác nhau, tất cả là tùy khả năng và những mối quan tâm của mỗi người, dù rằng tất cả đều cùng hướng và một lý tưởng chung của người bồ-tát. Chúng ta có thể bảo rằng luồng ánh sáng trắng tinh khiết của bodhicitta tương đối tuôn ra từ bodhicitta tuyệt đối (*xin nhắc lại bodhicitta tương đối là bodhicitta mà chúng ta có thể thực hiện được, bodhicitta tuyệt đối là sự Giác ngộ, khó thực hiện hơn*) trở nên rạng ngời xuyên qua hàng trăm, hàng ngàn lăng kính cá nhân, mỗi lăng kính tỏa ra một loạt các màu sắc riêng. Cũng vậy, người ta có thể hình dung bodhicitta như là một nguồn ánh sáng rạng rỡ trong tâm trí và con tim của mỗi vị bồ-tát tạo ra hàng loạt những lời ước nguyện khác nhau tùy theo từng vị (*chẳng hạn như Bồ-tát Quán-thế-âm, Địa Tạng, Dược Sư, Văn Thù..., mỗi vị có những mối quan tâm riêng và những ước nguyện riêng*).

Do đó sự đồng nhất và đa dạng cùng xảy ra đồng loạt (*bodhicitta là ánh sáng chung của tất cả những người bồ-tát, thế nhưng tỏa ra hàng loạt các màu sắc khác nhau xuyên qua các lăng kính "cá nhân" của mỗi vị*). Tất cả các vị bồ-tát cùng chia sẻ một bodhicitta chung, và đó cũng là cội nguồn chung nói lên tính cách nhất thể của họ. Thế nhưng đồng thời mỗi vị biểu lộ bodhicitta đó theo cung cách của mình, xuyên qua những

lời ước nguyện của riêng mình. Điều đó không có nghĩa là người bồ-tát, nam hay nữ, tự phát nguyện mình sẽ làm việc này hay việc nọ (*theo sở thích và các nguyện ước của mình*), nhưng cũng không phải là một sự chủ tâm hoàn toàn ý thức của cá nhân mình (*nhằm thực hiện một công việc rõ rệt, cụ thể và nhất định nào đó, mà phải hướng hành động của mình vào lý tưởng chung của người bồ-tát*). Đúng hơn các ước nguyện của người bồ-tát, dưới tác động của bodhicitta, cũng sẽ trở thành tương tự như vô số các tia lửa bắn tung khắp hướng, các tia lửa đó không những phát sinh từ tâm thức và lòng quyết tâm của mình, mà cả toàn thể con người của mình.

Kinh sách Đại thừa thống kê các ước nguyện của người bồ-tát theo từng thể loại khác nhau, một số được gộp chung trong một thể loại gọi là "Đại nguyện".

Chẳng hạn như 48 lời nguyện nổi tiếng của vị Bồ-tát Dharmakara (*Pháp Tạng hay Đàm-ma Ca-lưu, là tiền thân của Đức Phật A-di-đà*), sau đó đã trở thành Vị Phật Amitabha (A-di-đà). Các lời nguyện này được nêu lên trong một bản kinh rất quan trọng là *Sukhavativyuha-Sutra* (Kinh Tịnh-độ, còn gọi là Kinh A-di-đà).

Vài lời ghi chú của người chuyển ngữ

Dưới đây là toàn bộ 48 lời nguyện của người bồ-tát nêu lên trong kinh A-di-đà. Kinh này có hai phiên bản khác nhau: một dài và một ngắn, 48 lời nguyện của người bồ-tát được nêu lên trong bản kinh dài. Có nhiều bản dịch 48 lời nguyện này sang tiếng Anh và tiếng Pháp, bản tiếng Việt dưới đây được dựa vào một số các bản dịch này. Thật ra cũng đã có một số bản dịch tiếng Việt đã được phổ biến rộng rãi, tất cả đều khá tương tự nhau và dường như đều được dựa vào

cùng một bản gốc tiếng Haán.

Lời nguyện 1

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính (hay Phật tánh, còn gọi là "Bản thể Phật", là một khái niệm đặc thù của Đại thừa, nêu lên một thể dạng tinh anh, sinh động và sâu kín của tâm thức, giúp một chúng sinh trở thành một vị Phật), thế nhưng nếu các cảnh giới địa ngục, tham dục và súc sinh vẫn còn hiện hữu trong địa giới của tôi, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 2

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân (deva) trong địa giới của tôi sau khi chết còn rơi trở lại các cảnh giới thấp hơn, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 3

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân trong địa giới của tôi chưa trở thành một màu vàng ròng (Đức Phật có thân thể màu vàng ròng), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 4

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân vẫn chưa mang cùng một dáng dấp như nhau, chưa có cùng một vẻ đẹp như nhau, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 5

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân trong địa giới của tôi vẫn không hồi nhớ lại được các tiền kiếp của mình, cùng các sự kiện từng xảy ra qua hàng trăm nghìn koti (kinh sách Hán ngữ dịch âm chữ này là "câu chi, là đơn vị đo lường của người Ấn tương đương với 10 triệu) nayuta ("na-do-tha", là đơn vị thời gian tương đương với một trăm ngàn, một triệu hay mười triệu) kalpa ("kiếp-ba", là một đơn vị thời gian thật dài tương đương với khoảng thời gian hiện hữu của một vũ trụ từ lúc hình thành đến khi tan biến. Tóm lại, cách nói "hàng trăm nghìn koti nayuta kalpa" là để nêu lên một khoảng thời gian vô tận) thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 6

Nếu một ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân trong địa giới của tôi vẫn chưa đạt được con mắt siêu phàm giúp mình trông thấy được hàng trăm nghìn koti nayuta địa giới của chư Phật, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 7

Nếu một ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân trong địa giới của tôi vẫn chưa đạt được một thính giác siêu phàm giúp mình nghe thấy các lời thuyết giảng của ít nhất một trăm ngàn koti nayuta chư Phật, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 8

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân trong địa giới của tôi vẫn chưa đạt được khả năng biết được sự suy nghĩ của kẻ khác, ít nhất là của các chúng sinh sống trong hàng trăm ngàn koti nayuta địa giới của chư Phật, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 9

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân trong địa giới của tôi vẫn chưa đạt được sức mạnh siêu nhiên giúp mình trong nháy mắt có thể đi đến bất cứ một nơi nào trong số hàng trăm ngàn koti nayuta địa giới của chư Phật, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 10

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân trong địa giới của tôi vẫn còn để cho các tư duy bám víu vào cái tôi (cái "ngã") hiển hiện, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 11

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân vẫn chưa đạt được thể dạng không thoái lui (còn có thể phạm vào các hành động sai lầm và u mê) và chưa chắc chắn sẽ đạt được nirvana (cõi niết bàn), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 12

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu ánh sáng của tôi còn quá yếu ớt chưa đủ chiếu rọi ít nhất hàng trăm ngàn koti nayuta địa giới của chư Phật, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 13

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng kiếp sống của tôi còn quá ngắn, mặc dù đã kéo dài qua hàng trăm nghìn koti nayuta kalpa, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 14

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng con số các vị sravaka ("Thanh văn giác", là những người đạt được giác ngộ nhờ nghe giảng) trong địa giới của tôi còn giới hạn, và nếu tất cả chúng sinh kể cả con số các vị pratykabuddha ("Duyên giác", là các vị tự mình đạt được giác ngộ), sống trong vũ trụ gồm hàng ngàn triệu thế giới, qua suốt hàng trăm ngàn kalpa, vẫn còn có thể đếm được, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 15

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng con người và thiên nhân vẫn chưa được thụ hưởng một kiếp sống vô tận, trừ trường hợp những ai mong muốn rút ngắn kiếp sống đúng với nguyện vọng của mình lúc ban đầu (đó là trường hợp của các vị bồ-tát chấp nhận cái chết để luân hồi mãi

mãi, hầu giúp đỡ chúng sinh), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 16

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng con người và thiên nhân còn nghe nói đến các hành động tội tệ, dù chỉ là một hành động duy nhất xảy ra, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 17

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu vô số chư Phật trong các địa giới nơi mười phương không gian (chúng ta thường phân chia không gian theo tám hướng, thế nhưng đối với Phật giáo không gian còn có thêm hai hướng: một hướng trên đầu và một hướng phía dưới chân), vẫn chưa tán tụng và ngợi khen danh hiệu của tôi, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 18

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu chúng sinh trong các địa giới khắp mười phương không gian, dù thành thực và hân hoan ước mong được tái sinh trong địa giới của tôi, hoàn toàn tin tưởng nơi tôi, và dù đã thốt lên mười lần danh hiệu của tôi, nhưng vẫn chưa được tái sinh vào địa giới của tôi, thì tôi sẽ còn tiếp tục không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi. Tất nhiên là trừ trường hợp những ai vi phạm năm lỗi lầm trọng đại (tức là năm giới cấm: sát sinh, trộm cắp, nói dối, tà dâm, say sưa) và bài bác Dharma (chê bai Đạo Pháp/Giáo huấn của Đức Phật).

Lời nguyện 19

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng chúng sinh trong các địa giới khắp mười phương không gian, dù đã phát động ước vọng đạt được sự Giác ngộ cao nhất, và dù đã thực hiện được các hành động đạo đức, thành thực mong cầu được tái sinh trong địa giới của tôi, nhưng sau khi chết vẫn không trông thấy tôi hiện ra cùng với vô số các hiền nhân thập tùng, thì khi đó tôi vẫn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 20

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng chúng sinh trong các địa giới khắp mười phương không gian, dù được nghe danh hiệu của tôi, tập trung tất cả sự suy tư vào địa giới của tôi, gây trồng đạo đức và thành thực hồi hướng công đức hướng vào địa giới của tôi, dốc lòng mong cầu được tái sinh vào nơi ấy, nhưng vẫn chưa thực hiện được các nguyện ước đó của mình, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 21

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng con người và thiên nhân chưa đạt được ba mươi hai tướng tốt của một Vị nhân (một vị Phật), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 22

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát nơi các địa giới tinh khiết của chư Phật khắp các phương trời khác đến viếng địa giới của tôi, vẫn chưa

chắc chắn đạt được thể dạng Phật cao nhất sau khi tái sinh thêm một lần sau cùng, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi. Ngoại trừ những ai mong cầu được tiếp tục giảng dạy và hướng dẫn chúng sinh đúng theo nguyện ước lúc ban đầu của mình. Lý do là vì họ đã khoác lên người chiếc áo giáp đại nguyện, giúp mình gom góp đạo đức, giải thoát tất cả chúng sinh ra khỏi sự sinh và cái chết, viếng thăm các địa giới của chư Phật để hoàn tất việc tu tập của người bồ-tát, cùng đường chư Phật và chư vị Tathagata (Như Lai) trong khắp mười phương không gian, đánh thức được vô số chúng sinh nhiều như cát sông Hằng, đưa họ lên cấp bậc Giác ngộ cao nhất. Các vị bồ-tát ấy vượt lên trên con đường bình dị của các vị bồ-tát khác, thực hiện được tất cả các cấp bậc của người bồ-tát và trau dồi phẩm hạnh của vị Samantabhadra (Bồ-tát Phổ Hiền).

Lời nguyện 23

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát trong địa giới của tôi dù đã nhờ vào sức mạnh siêu nhiên của tôi để dâng lễ vật cúng dường chư Phật, nhưng vẫn chưa thân hành đến được vô số koti nayuta địa giới giới, nhanh chóng như một bữa ăn, đúng như ý mình mong ước, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 24

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát trong địa giới của tôi vẫn chưa tạo được công đức đúng với sự mong ước của mình, bằng cách tôn kính và cúng dường chư Phật với các lễ vật do mình chọn lựa, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối

thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 25

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát trong địa giới của tôi vẫn chưa thấu triệt được Dharma (Đạo Pháp của Đức Phật) với một trí tuệ toàn năng, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 26

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng vẫn còn một vị bồ-tát trong địa giới của tôi chưa đạt được thân kim cương của vị trời Vajra Narayana (một vị thần linh có thân mình rắn chắc tương tự như kim cương/vajra), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 27

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng chúng sinh, dù nhờ vào con mắt siêu nhiên nhận biết được tên gọi và đếm được hằng hà sa số các sự hiển lộ vinh quang, rạng ngời, mang các nét tuyệt đẹp không miêu tả hết được, do con người và thiên nhân trong địa giới của tôi tạo ra, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục không nguyện cầu đạt được sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 28

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát trong địa giới của tôi, kể cả các vị tạo được rất ít công đức, vẫn chưa trông thấy được cội bồ-đề muôn màu, với chiều cao bốn triệu yojana (là đơn

vị đo chiều dài của Ấn-độ trong các thời kỳ cổ đại, tương đương với khoảng 12-15 km), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 29

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát trong địa giới của tôi vẫn chưa đạt được khả năng hùng biện và trí tuệ giúp mình bảo toàn, tụng niệm và thuyết giảng sutra (kinh điển), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 30

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng khả năng trí tuệ và hùng biện của các vị bồ-tát trong địa giới của tôi vẫn còn hạn hẹp, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 31

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu địa giới của tôi chưa trở nên rạng rỡ, ánh sáng chưa chiếu rọi được thật rõ ràng tất cả hằng hà sa số, không đếm hết được, các địa giới của chư Phật, trung thực như hình ảnh phản chiếu từ một tấm gương, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 32

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng vô số các sự hiển lộ trong địa giới của tôi, từ mặt đất đến trời cao, chẳng hạn

như các lâu đài, dinh thự, ao hồ, sông ngòi, cây cối tất cả vẫn chưa được tạo ra bởi vô số các kho tàng quý giá, vượt hơn tất cả những gì trong thế giới của thiên nhân và con người, cùng với hàng trăm ngàn loại cây thơm ngát, tỏa hương vào tất cả các thế giới trong khắp mười phương không gian, cổ vũ tất cả các vị bồ-tát khi ngửi được mùi hương đó sẽ sớm kết thúc việc tu tập của mình, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 33

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng chúng sinh nơi vô số địa giới, không thể hình dung hết được, của chư Phật trong khắp mười phương không gian, dù được chiếu rọi bởi ánh sáng của tôi, nhưng vẫn chưa cảm thấy được các niềm an bình và hạnh phúc vượt cao hơn các niềm an bình và hạnh phúc của thiên nhân và con người, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 34

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng chúng sinh nơi vô số địa giới, không thể hình dung hết được, của chư Phật trong khắp mười phương không gian, dù được nghe danh hiệu của tôi nhưng vẫn chưa quán thấy được tức khắc sự tạo tác của các dharma (chữ dharma có hai nghĩa: "Giáo huấn" của Đức Phật và các "hiện tượng" trong thế giới, . Trong trường hợp trên đây chữ dharma có nghĩa là các "hiện tượng". Chữ hiện tượng trong Phật giáo mang ý nghĩa rất rộng, có thể là vô hình hay hữu hình, thuộc bên ngoài hay bên trong tâm

thức một cá thể, nói chung là bất cứ gì mà tâm thức con người có thể hình dung được. "Quán thấy sự tạo tác của các hiện tượng" có nghĩa là thấu triệt được nguyên lý vận hành của chúng. Kinh sách Hán ngữ dịch chữ dharma là "pháp" mang chung cả hai ý nghĩa trên đây, và gọi nguyên lý vận hành của mọi hiện tượng/pratityasamutpada là "lý duyên khởi". Cả hai cách dịch này không được sát nghĩa lắm trên cả hai phương diện từ nguyên và ý nghĩa, do đó có thể khiến một số người khó nắm vững được các khái niệm vô cùng quan trọng này trong Phật giáo), và cũng chưa đạt được một số các câu dharani ("đà-la-ni", chữ này khá đồng nghĩa với chữ mantra, nói chung là các câu tụng hay thần chú mang tính cách thiêng liêng) sâu xa, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 35

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các phụ nữ nơi vô số địa giới, không hình dung hết được, của chư Phật trong khắp mười phương không gian, dù từng được nghe danh hiệu của tôi, cảm nhận được niềm hân hoan và tin tưởng, ước mong đạt được giác ngộ và thoát khỏi thân phận nữ giới của mình, nhưng sau khi chết vẫn tái sinh trở lại làm người phụ nữ, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 36

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát nơi vô số địa giới, không hình dung hết được, của chư Phật khắp mười phương không gian, dù đã từng được nghe danh hiệu của tôi, nhưng đến lúc mãn đời vẫn chưa hoàn tất được việc tu tập

giúp mình đạt được Phật tính, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 37

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng con người và thiên nhân nơi vô số địa giới, không hình dung hết được, của chư Phật khắp mười phương không gian, dù được nghe danh hiệu của tôi, quỳ mọp xuống đất để tỏ lòng tôn kính và ngưỡng mộ tôi, cảm nhận được niềm hân hoan và lòng tin tưởng nơi tôi, hoàn tất được việc tu tập của người bồ-tát, nhưng vẫn chưa được tất cả thiên nhân và con người trong thế giới kính nể, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 38

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng nếu con người và thiên nhân vẫn chưa tức khắc khoát được các xiêm y đúng với niềm khao khát hiện lên trong tâm thức mình, và nếu các xiêm y tinh xảo độ mà chư Phật hằng tán tụng, không được cắt may cẩn thận và tức khắc cho họ, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 39

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng con người và thiên nhân nơi địa giới của tôi vẫn chưa cảm nhận được niềm vui sướng tràn đầy phúc hạnh, tương tự như một người tu hành đã loại bỏ được mọi dục vọng, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 40

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát nơi địa giới của tôi, dù ước mong trông thấy vô số địa giới đầy vinh quang của chư Phật trong khắp mười phương không gian, nhưng vẫn chưa trông thấy được tất cả các địa giới ấy hiện lên giữa các loại cây - cây toàn bằng ngọc ngà và châu báu, tương tự như trông thấy gương mặt mình trong một tấm gương thật sáng (trông thấy vô số địa giới của chư Phật rõ như trông thấy gương mặt mình phản chiếu từ một tấm gương không bụi bặm), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không đạt được sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 41

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát nơi các địa giới khác trong khắp mười phương không gian, dù từng được nghe danh hiệu của tôi vào một lúc nào đó trước khi thành Phật, nhưng các cơ quan giác cảm vẫn còn yếu kém (chưa đạt được các khả năng siêu phàm), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 42

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát nơi các địa giới trong khắp mười phương không gian, dù được nghe danh hiệu của tôi vẫn chưa đạt được thể dạng samadhi (thể dạng tâm thức lắng sâu trong thiền định) còn gọi là sự giải thoát tinh khiết (emancipation/một thể dạng cảm nhận của tâm thức vượt lên trên mọi sự chuyển động của thế giới hiện tượng) và thường trú trong thể dạng đó, không một chút xao lãng, nhưng vẫn không đủ khả năng cúng dường, dù chỉ trong một thoáng, vô số chư Phật, không hình dung hết được,

là các Đấng tôn kính (Thế Tôn) trong thế giới, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 43

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát tại các nơi khác trong các miền không gian khác (các vũ trụ khác) dù được nghe danh hiệu của tôi, nhưng sau khi chết không được tái sinh trong các gia đình cao quý, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 44

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát tại khắp nơi khác trong các miền không gian khác, dù được nghe danh hiệu của tôi nhưng vẫn không cảm thấy được niềm hân hoan đến độ khiến mình phải nhảy múa, hoàn tất việc tu tập của người bồ-tát và tạo được vô số công đức, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 45

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát tại khắp nơi khác trong các miền không gian khác, vẫn chưa đạt được samadhi còn gọi là sự bình thản rộng lớn (equanimity/sự thanh thản, bình lặng và thăng bằng của tâm thức) và dù an trú trong đó nhưng vẫn chưa trông thấy được vô số chư vị Tathagata, cho đến khi chính mình thành Phật, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 46

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát nơi địa giới của tôi vẫn không đủ khả năng thuyết giảng thật tự nhiên, đúng với sự mong muốn của mình, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 47

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các vị bồ-tát tại các nơi khác trong các miền không gian khác, dù được nghe danh hiệu của tôi nhưng vẫn chưa tức khắc đạt được thể dạng không thoái lui (không thể vi phạm trở lại các thái độ và hành động vô minh), thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Lời nguyện 48

Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, các vị bồ-tát tại các nơi khác trong các miền không gian khác, dù được nghe danh hiệu của tôi nhưng vẫn chưa tức khắc đạt được các cấp bậc thứ nhất, thứ hai và thứ ba của sự quán thấy siêu việt về các dharma (các hiện tượng trong thế giới) giúp mình an trú thật vững chắc trong các sự thật do toàn thể chư Phật khám phá, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi.

Điểm nổi bật nhất trong 48 lời nguyện trên đây là một sự mở rộng mang tính cách lý tưởng và cả các nét không tưởng. Sự mở rộng đó hay lý tưởng đó đã đưa Giáo huấn của Đức Phật đến gần hơn với một tôn giáo. Phật giáo được đưa vào Trung quốc trong

khi tại nơi này đã có một nền văn minh cao độ và lâu đời. Thế nhưng nền văn minh đó chưa có một tín ngưỡng nào đúng nghĩa của nó. Khổng giáo chỉ là một hệ thống đạo đức xã hội, Lão giáo là một sự hình thức góp nhặt và tổng hợp một số tư tưởng bao quát, khá mơ hồ và thiếu mạch lạc.

Là một đế quốc của chiến tranh và chinh phạt muôn đời, Trung quốc thiếu hẳn chiều sâu của tín ngưỡng. Phật giáo đã tạo ra cho đế quốc này một kích mới rộng lớn hơn trong các lãnh vực tư tưởng, xã hội và tâm linh, mở ra một tầm nhìn mới lạ và đạo đức hơn về con người và vũ trụ. Trong vùng đất mới và thuận lợi đó, Phật giáo phát triển rất nhanh. Đức Phật A-di-đà hiện ra tại Trung quốc như là một Vị Sáng lập một tôn giáo mới, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của dân tộc Hán, và lấp vào khoảng trống tâm linh trong nền tư tưởng và văn minh Trung quốc. Thật ra trước khi được đưa vào Trung quốc, Giáo huấn của Đức Phật qua các nẻo đường tơ lụa, cũng đã chịu ít nhiều ảnh hưởng từ các tín ngưỡng của vùng Trung đông, còn gọi là "Tây vực". Phải chăng cõi "Tây phương cực lạc" đầy hứa hẹn và Đức Phật A-di-đà với quyền năng "cứu độ" vô song là trong số các ảnh hưởng đó?

Tịnh độ hay Phật giáo A-di-đà được hình thành và phát triển ào ạt tại Trung quốc kể từ thế kỷ thứ III và thứ IV. Bốn mươi tám lời nguyện của người bồ-tát nêu lên một lý tưởng vượt lên trên hiện thực, tạo ra một chiều sâu tâm linh trong xã hội Trung quốc. Thế nhưng vào thế kỷ thứ VI một đường hướng tu tập mới lại xuất hiện, đó là Thiền học. Một số học giả Tây phương cho rằng Thiền học xuất hiện trễ hơn thế kỷ thứ VI, sớm nhất là vào cuối thế kỷ thứ VII hay đầu thế kỷ thứ VIII, bởi vì nhân vật Bodhidharma/Bồ-đề Đạt-ma được xem là từ Ấn-độ đến Trung quốc vào thế kỷ thứ V hay

thứ VI chỉ là một huyền thoại, được tạo dựng với mục đích chính thức hóa một học phái hình thành tại Trung quốc.

Trong lãnh vực tư tưởng, văn hóa hay xã hội luôn có những quan điểm tương phản hay đối nghịch nhau, nói chung đó là các xu hướng đa dạng của con người và xã hội nói chung. Câu chuyện Bồ-đề Đạt-ma ngồi thiền nhìn vào một bức tường trong suốt 9 năm, không nói một lời nào, là một sự tương phản hoàn toàn đối với 48 lời nguyện năng động và tích cực của vị Bồ-tát Dharmakara. Nếu Tịnh độ nêu lên một lý tưởng không bao giờ thực hiện được, thì Thiền học lại cho rằng "Ngộ" (Satori) là một sự đột khởi mang tính cách trực giác. Sự đối nghịch trên cả hai phương diện thực hành và lý thuyết trên đây là một trong các nét nổi bật nhất của Phật giáo Trung quốc. Nói chung cả hai xu hướng đó không hoàn toàn trung thực với Giáo huấn của Đức Phật trong thung lũng sông Hằng. Con đường "Trung đạo" của Đức Phật là "không phải là thế này, không phải là thế kia, cũng không phải là cả hai, thế nhưng cũng không phải là không [gồm] cả hai". Bất cứ một sự bám víu nào cũng đều là "cực đoan", dù đấy là 48 lời nguyện của Tịnh độ hay cách ngồi im không suy nghĩ gì cả của Thiền học. Vì thế đi sâu vào Giáo huấn của Đức Phật là điều rất khó. Do vậy, thiết nghĩ đối với Tịnh độ cũng chỉ nên nhìn vào tinh thần **quyết tâm** của Tịnh độ, có nghĩa là một khi đã bước vào con đường thì phải đi trọn con đường; đối với Thiền học thì phải giữ bản chất **tĩnh lặng** của Thiền học, tức là phải giữ tâm thức thật thẳng băng và thanh thoát cho đến khi nào trông thấy được con đường và cả các vết chân của chính mình trên con đường đó. Ngoài ra tất cả những gì màu mè và thêm thắt đều là huyền thoại hoặc là các

phương tiện thiện xảo.

Nếu Phật giáo của Đức Phật được hình thành và phát triển trong một khung cảnh tín ngưỡng lâu đời, tạo ra bởi Kinh Veda (Vê-đà) và Đạo Bà-la-môn, thì tại Trung quốc Phật giáo A-di-đà và Thiên học được hình thành trong một xã hội thực tế, thiếu hẳn các kích thích thiêng liêng của tín ngưỡng. Dưới vòm trời xa lạ của đế quốc đó, Giáo huấn của Đức Phật cũng đã phải thích ứng với một môi trường mới khác hẳn với môi trường trong khung cảnh thung lũng sông Hằng nhiều thế kỷ trước đó. Chúng ta hãy nêu lên một thí dụ cụ thể, chẳng hạn như lời nguyện 35 trên đây:

"Nếu ngày nào tôi đạt được Phật tính, thế nhưng các phụ nữ nơi vô số địa giới, không hình dung hết được, của chư Phật trong khắp mười phương không gian, dù từng được nghe danh hiệu của tôi, cảm nhận được niềm hân hoan và tin tưởng, ước mong đạt được giác ngộ và thoát khỏi thân phận nữ giới của mình, nhưng sau khi chết vẫn tái sinh trở lại làm người phụ nữ, thì khi đó tôi sẽ còn tiếp tục nguyện cầu không thực hiện sự Giác ngộ tối thượng cho riêng tôi".

Trong một xã hội Khổng giáo, người phụ nữ chỉ là giới tính thứ hai. Thân phận của họ được an bài và quy định bởi một mô hình lễ giáo thật khắc nghiệt, áp đặt từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Trong một xã hội kỳ thị nữ giới, người phụ nữ chỉ biết ước mơ thoát khỏi thân phận bất hạnh và tội đày đọa của mình, và được trở thành nam giới. Lời nguyện ước trên đây phản ảnh niềm ước mơ đó của người phụ nữ, đồng thời cũng cho thấy ảnh hưởng của Khổng giáo đối với Phật giáo tại Trung quốc.

Bure-Sur-Yvette, 06.09.20

Hoang phong chuyên ngữ

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Tỷ Kheo

380

*Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.*

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Dasaka

Trong thời Phật còn tại thế Dasaka sinh rường trong một gia đình nô bộc dưới quyền của nhà cự hủ Cấp Cô Độc. Chàng giữ nhiệm vụ canh gác tinh xá Kỳ Hoàn để chư tăng không bị khách lạ khuấy nhiễu trong khi tọa thiền.

Được chiêm ngưỡng từ dung của đấng đạo sư cùng nếp sống thanh tịnh của tăng đoàn, Dasaka ao ước được thoát kiếp nô lệ và xuất gia tu học. Nguyện vọng này được thực hiện ngay, với sự bảo trợ của trưởng giả Cấp Cô Độc, chàng gác đàn Dasaka biến thành tỷ kheo Dasaka.

Sau ngày xuất gia Dasaka vẫn giữ nguyên thói lười cố hữu. Mỗi ngày, sau khi khất thực và nhận đầy đủ thức ăn, tỷ kheo Dasaka thường tìm một chỗ thanh tịnh và nằm khoèo xuống ngủ. Trong những giờ học kinh, sư thường tìm cách lẩn tránh ra phía sau hội chúng, ngồi tựa lưng vào một gốc cây và thả hồn vào cõi mộng. Những sự kiện này không thoát khỏi ánh mắt của đức đạo sư. Một hôm nhằm lúc Dasaka vừa mở mắt sau một giấc ngủ dài, đang vươn vai để ngủ tiếp, đức đạo sư liền đọc một bài kệ:

(Xem tiếp trang 31)

Câu Chuyện Thật Của Một Bác Sĩ Chuyên Khoa Tâm Thần, Một Bệnh Nhân Trẻ Của Ông, và Cách Chữa Trị Tiền Kiếp Đã Thay Đổi hẳn Đời Sống của Cả Hai.

Bác Sĩ Brian L. Weiss Phó Gs, Khoa Tâm Thần tại Trường Y Khoa Đại Học Miami, Florida
Thích Tâm Quang dịch

Khởi đăng từ Ns PHẬT HỌC số 327

CHƯƠNG BA

Một tuần lễ sau, Catherine nhún nhảy đến phòng mạch tôi cho buổi thôi miên kế tiếp. Mở đầu rất đẹp, cô trông rạng rỡ hơn bao giờ hết. Cô sung sướng báo rằng nỗi sợ suốt đời bị chết đuối đã biến mất. Nỗi sợ bị nghẹn cũng được giảm bớt một chút. Giấc ngủ của cô không còn bị gián đoạn bởi ác mộng về cầu gãy. Mặc dù cô nhớ những chi tiết về tiền kiếp, nhưng cô chưa thực sự thâm nhập vào thực chất.

Quan niệm về tiền kiếp và luân hồi xa lạ với vũ trụ học của cô, và tuy những ký ức quá sống động, quang cảnh, âm thanh và mùi vị quá rõ ràng, sự nhận biết rằng cô đã ở đây quá mạnh và trực tiếp, cô cảm thấy hẳn là cô đã thực sự ở đây. Cô không nghi ngờ gì cả; việc xảy ra quá mạnh. Tuy cô quan tâm đến việc làm sao điều đó lại thích hợp với sự nuôi nấng và niềm tin của cô.

Trong tuần đó tôi có xem lại sách giáo khoa từ một khóa dạy về sự so sánh các tôn giáo trong năm đại học đầu tiên của tôi tại Columbia. Quả thật có nhắc đến luân hồi trong Cựu và Tân Ước. Vào năm 325 sau Công nguyên, Hoàng Đế La Mã Constantine Đại Đế, cùng với người mẹ, Hellenia, đã hủy bỏ những trang đề cập đến luân hồi ghi trong Tân Ước. Đại Hội Đồng Đệ Nhị

tại Constantinople họp vào năm 553 sau Công nguyên, xác nhận việc làm này, và tuyên bố quan niệm luân hồi là một dị giáo. Hiển nhiên, họ nghĩ quan niệm này sẽ làm suy yếu sức

mạnh đang lên của Giáo Hội bởi nó cho con người quá nhiều thời gian để tìm sự cứu rỗi. Tuy vậy những dẫn chứng gốc đã là điểm đó, các cha cố trong Giáo Hội cổ đã chấp nhận quan niệm về luân hồi. Những người Ngộ Đạo thời cổ - Clement ở Alexandria, Origen, Saint Jerome, và nhiều khác nữa - tin rằng họ đã sống trước đó và sẽ sống lại nữa.

Tuy nhiên, tôi không bao giờ tin vào luân hồi. Thực tế là tôi chưa bao giờ bỏ nhiều thì giờ suy nghĩ về việc này. Mặc dù việc dạy dỗ về tôn giáo trước đây của tôi có dạy tôi một loại hiện hữu mập mờ nào đó về "linh hồn" sau khi chết, nhưng quan niệm ấy không thuyết phục được tôi.

Tôi là anh cả của bốn anh em, tất cả cách nhau ba tuổi. Chúng tôi là thành viên của Giáo đường bảo thủ Do Thái ở Red Bank, một thành phố nhỏ gần bờ biển ở New Jersey. Tôi là người hòa giải và chính khách trong gia đình. Cha chúng tôi dính líu vào tôn giáo nhiều hơn tất cả chúng tôi. Ông theo tôn giáo rất nghiêm túc, ông theo tôn giáo suốt cả đời. Thành tích học hành của các con là niềm vui lớn lao nhất trong đời ông. Ông dễ bị bối rối trước sự bất hòa trong gia đình và rút lui để tôi hòa giải. Mặc dầu hóa ra điều đó là sự rèn luyện tuyệt vời cho một sự nghiệp trong tâm thần học, nhưng hồi tưởng lại thời thơ ấu của tôi nặng nề hơn và trách nhiệm nhiều hơn tôi muốn. Tôi nổi bật từ đó là một thanh niên nghiêm nghị, là người quen chịu nhiều trách nhiệm.

Mẹ tôi luôn luôn biểu lộ lòng thương yêu của bà. Không có giới hạn nào ngăn cản bà. Một người bình dị hơn cha tôi, bà lợi dụng tội lỗi,

nổi thống khổ, sự bối rối cùng cực, và sự đồng cảm chung với các con làm công cụ lôi kéo, hoàn toàn không đắn đo. Tuy nhiên bà ít khi buồn rầu, và lúc nào chúng tôi cũng có thể tin chắc vào tình yêu và sự hỗ trợ của bà.

Cha tôi có một công việc tốt, nhiếp ảnh công nghệ, và tuy chúng tôi luôn có nhiều thực phẩm, nhưng tiền bạc rất eo hẹp. Người em út của tôi, Peter, sinh ra năm tôi 9 tuổi. Sáu người gia đình chúng tôi chia nhau trong hai căn phòng nhỏ.

Sinh hoạt trong căn phòng nhỏ này thật là bề bộn và ồn ào, và tôi tìm nơi nương tựa ở sách vở. Tôi không ngừng đọc sách khi không chơi bóng chày hay bóng rổ, những đam mê khác ở thời thơ ấu của tôi. Tôi biết học hành là con đường ra khỏi thành phố nhỏ này, yên tâm với ý nghĩ đó, tôi luôn luôn đứng thứ nhất nhì trong lớp học.

Vào lúc tôi được học bổng toàn phần của trường Đại Học Columbia, tôi là một thanh niên đứng đắn và chăm chỉ. Thành công đại học đến với tôi dễ dàng. Tôi theo ngành hóa học và tốt nghiệp với bằng danh dự. Tôi quyết định trở thành bác sĩ tâm thần vì lĩnh vực này gồm cả sự quan tâm đến khoa học và thích thú của tôi với nhiều công việc về tâm con người. Hơn nữa, nghề y khoa sẽ cho phép tôi bày tỏ sự quan tâm và lòng trắc ẩn với người khác. Trong lúc đó tôi gặp Carole trong kỳ nghỉ hè tại khách sạn Catskill Mountain, nơi tôi đang là hầu bàn phụ và Carole là chiêu đãi viên. Chúng tôi ném mùi hôi cuốn lẫn nhau ngay và cảm giác thân tình và thoải mái mạnh mẽ. Chúng tôi thư từ, hẹn hò, yêu nhau, đính hôn vào năm tôi ở năm thứ hai trường Đại Học Columbia. Nàng vừa thông minh vừa đẹp. Mọi sự dường như rơi vào đúng chỗ. Một số ít có người trẻ tuổi lo về đời sống và cái chết và đời sống sau cái chết, nhất là khi mọi thứ trôi chảy êm đềm, và tôi cũng không phải là ngoại lệ. Tôi đang trở thành một

khoa học gia, và đang học cách suy nghĩ theo kiểu cách lô gic, vô tư, "chứng minh đúng".

Hơn nữa, trường y khoa và khu nội trú ở Đại Học Yale đã kết tinh phương pháp khoa học này. Luận án nghiên cứu của tôi là về não bộ hóa chất và vai trò của thần kinh truyền tin là những thông tin hóa chất trong mô não.

Tôi theo ngành mới về tâm sinh lý, ngành hợp nhất những lý thuyết và kỹ thuật tâm thần truyền thống mới về hóa chất bộ não. Tôi viết nhiều bài về khoa học, thuyết giảng tại các hội nghị địa phương và toàn quốc, và trở thành một người năng động thành công trong lĩnh vực của tôi. Tôi hơi bị ám ảnh, sôi nổi và cứng rắn, nhưng đó là những điểm hữu ích cho một thầy thuốc. Tôi cảm thấy hoàn toàn sẵn sàng để chữa trị cho bất cứ ai bước vào phòng mạch tôi để chữa bệnh.

Rồi Catherine trở thành Aronda, một cô gái trẻ sống vào năm 1863 trước Công nguyên. Hay đó là một cách nào khác? Và nơi đây tôi chứng kiến cô lại vui vẻ hơn bao giờ hết. Tôi lại lo là Catherine sẽ tiếp tục sợ hãi. Tuy nhiên, cô nhiệt tình sửa soạn cho buổi thôi miên và đắm chìm ngay.

"Tôi đang ném những vòng hoa xuống nước. Đó là một nghi lễ. Tóc tôi vàng hoe và được tết lại. Tôi mặc một bộ nâu viền vàng, và mang dép. Một người nào đó chết, một người nào đó trong Hoàng gia ... người mẹ. Tôi là một người hầu trong Hoàng Gia, và tôi giúp làm đồ ăn. Chúng tôi để thi hài vào trong nước muối ba mươi ngày. Người ta làm khô và các bộ phận được lấy đi. Tôi có thể nghĩ thấy, mùi của các xác."

Tự nhiên cô quay về kiếp sống Aronda, nhưng ở một giai đoạn khác, vào lúc nhiệm vụ của Aronda là phải sửa soạn các xác sau khi họ chết.

Catherine tiếp tục, "trong một tòa nhà riêng biệt, tôi có thể nhìn thấy những xác chết. Chúng tôi bọc những xác ấy lại. Linh hồn đi qua. Hãy mang theo đồ đạc và hãy sửa soạn cho kiếp tới, một kiếp vĩ đại hơn". Cô đang bày tỏ cái dường như giống quan niệm về cái chết và kiếp mới sau khi chết của một người Ai Cập, khác hẳn bất cứ niềm tin nào của chúng ta. Theo tôn giáo đó, bạn có thể mang theo đồ đạc.

Cô rời bỏ kiếp sống này và yên nghỉ. Cô ngưng lại vài phút trước khi đi vào thời cổ đại. "Tôi thấy đá đóng băng, lưng lẳng trong hầm ... vách đá ..." Cô mơ hồ miêu tả một chỗ tối tăm khổ sở, và trông cô lúc này rất khó chịu. Sau này cô đã miêu tả cô nhìn thấy chính cô. "Tôi rất xấu xí, bản thủ và hôi hám". Cô rời bỏ đi vào một thời gian khác.

"Có một số tòa nhà và một cái xe ngựa có bánh xe bằng đá. Tóc tôi nâu hoe với một cái nơ trên tóc. Xe ngựa chất đầy rơm. Tôi rất sung sướng. Cha tôi ở đây ... Ông ôm hôn tôi. Đó là ... đó là Edward (bác sĩ khoa nhi nài nỉ cô đến gặp tôi). Ông ấy là cha tôi. Chúng tôi sống trong một thung lũng có nhiều cây. Có những cây ô liu và cây vả trong sân. Người ta viết trên giấy. Có những dấu vết buồn cười trên giấy, giống như chữ. Người ta viết cả ngày, làm thành một thư viện. Đó là năm 1536 trước Công nguyên. Đất đai cằn cỗi. Cha tôi tên là Perseus."

Năm không đúng lắm, nhưng tôi chắc chắn cô ở trong cùng một kiếp mà cô đã thuật lại trong buổi thôi miên tuần trước. Tôi bảo cô giữ kiếp này nhưng đi ngược thời gian.

"Cha tôi biết ông (nghĩa là tôi). Ông và cha tôi nói về mùa màng, luật lệ, và chính phủ. Cha tôi nói ông rất thông minh và tôi phải nghe lời ông". Tôi đưa cô đi xa hơn nữa. "Ông nằm trong một phòng tối. Ông già và ốm đau. Trời lạnh ... Tôi cảm thấy trống rỗng ". Cô tiếp

tục đến lúc chết.

"Bây giờ tôi già và yếu đuối. Con gái tôi ở đây, gần giường tôi. Chồng tôi đã chết. Chồng con gái tôi cũng ở đây cùng với các con của chúng. Có nhiều người chung quanh".

Lần này cái chết của cô an bình. Cô đang trôi nổi. Trôi nổi? Việc này khiến tôi nhớ đến những sự nghiên cứu của Bác Sĩ Raymond Moody về kinh nghiệm của những người sắp chết. Những đối tượng của ông cũng nhớ đến sự trôi nổi, rồi lại nhập vào xác thân. Trước đây mấy năm tôi đã có đọc cuốn sách của ông và bây giờ tôi quyết tâm sẽ đọc lại nữa. Tôi không biết Catherine có thể nhớ gì nữa sau khi chết, nhưng cô chỉ nói "tôi đang bay lơ lửng" Tôi đánh thức cô và chấm dứt buổi thôi miên.

Với niềm mong muốn khát khao tìm bất cứ tài liệu khoa học nào đã được xuất bản về luân hồi, tôi bèn đi lùng tại những thư viện y khoa. Tôi đã nghiên cứu công trình của Bác Sĩ Ian Stevenson, một vị giáo sư được kính nể về tâm thần học của Đại Học Virginia, người đã xuất bản nhiều tài liệu tâm thần học. Bác Sĩ Ian Stevenson đã thu thập hơn hai ngàn trường hợp về trẻ em có những ký ức và kinh nghiệm kiếp luân hồi. Nhiều trường hợp biểu lộ ngoại ngữ, khả năng nói tiếng ngoại quốc mà chúng chưa bao giờ học. Những báo cáo về các trường hợp của ông được hoàn tất rất cẩn thận, được nghiên cứu kỹ, và rất xuất sắc.

Tôi đã đọc bài cái nhìn khái quát khoa học tuyệt vời của Edhar Mitchell. Với sự quan tâm lớn lao, tôi khảo sát dữ kiện ESP (tri giác ngoại cảm) của Trường Đại Học Duke, và những bài viết của Giáo sư C.J. Ducasse tại Đại Học Brown, và tôi đã phân tích kỹ lưỡng những công trình nghiên cứu của Bác Sĩ Martin Ebon, Bác sĩ Helen Wambach, Bác sĩ Gertrude Schmeidler, Bác sĩ Frederick Lenz, và Bác sĩ Edith Fiore. Càng đọc tôi càng

muốn đọc thêm. Tôi bắt đầu hiểu rằng dù cho tôi đã coi mình là có học vấn về mọi phương diện của tâm trí, vốn học hành của tôi còn rất hạn chế. Nhiều thư viện tràn đầy những nghiên cứu tìm hiểu và tài liệu nhưng ít người biết đến nó. Nhiều các cuộc nghiên cứu đã được tiến hành, kiểm tra và tái tạo bởi những nhà trị liệu và khoa học tiếng tăm. Liệu tất cả những người đó có bị lầm lẫn hay bị lừa gạt không? Bằng chứng dường như hỗ trợ quá mạnh, tuy tôi vẫn nghi ngờ. Quá mạnh hay không, tôi thấy rất khó tin.

Catherine và tôi cả hai, bằng những con đường riêng, đã bị ảnh hưởng sâu xa bởi thí nghiệm này. Catherine đang khá hơn về cảm tính, và tôi đang mở rộng tâm nhận thức của tôi. Catherine đã bị hành hạ nhiều năm bởi sợ hãi, và cuối cùng đang cảm thấy đỡ. Dù đó là những ký ức có thật hay những tưởng tượng sống động, tôi đã tìm ra được cách để giúp cô, và bây giờ tôi sẽ không ngưng lại.

Trong một lúc ngắn ngủi, tôi nghĩ về tất cả điều đó khi Catherine trôi dạt vào hôn mê lúc bắt đầu buổi thôi miên tiếp theo. Trước khi đi vào thôi miên, cô có nói đến một giấc mơ về một trò chơi trên những bậc thềm đá cổ, một trò chơi với một bàn cờ có lỗ. Giấc mơ dường như thật sống động nơi cô. Bây giờ tôi bảo cô hãy quay trở về vượt qua giới hạn không gian và thời gian và xem có phải giấc mơ có nguồn gốc ở một hiện thân trước không.

"Tôi nhìn thấy những bậc thềm dẫn đến một tháp canh ... trông ra núi và biển. Tôi là một đứa con trai ... Tóc tôi vàng hoe ... , mái tóc lạ. Quần áo của tôi ngắn ngủn, màu nâu và trắng, làm bằng da thú. Một số người đứng trên đỉnh tháp, đang nhìn ra ... những lính gác. Họ rất bản thủ. Họ chơi trò chơi giống như chơi cờ, nhưng không phải. Bàn cờ tròn không phải vuông. Họ chơi bằng những con cờ giống như dao găm sắc cắm vào lỗ. Những con cờ

này có đầu thú. Địa hạt Kirustan (đánh vần theo âm) Địa hạt? Từ Hòa Lan, vào khoảng 1473.

Tôi hỏi tên chỗ cô ở và liệu cô có thể đến xem hay nghe một năm. "Bây giờ tôi đang ở một hải cảng; đất trải dài tới biển. Có một pháo đài ... và nước. Tôi thấy một cái chòi ... mẹ tôi đang nấu ăn trong cái nồi bằng đất sét. Tên tôi là Johan".

Cô tiến tới cái chết của cô. Vào lúc này trong buổi thôi miên, tôi vẫn tìm kiếm một biến cố chấn thương mạnh có thể gây ra hay giải thích những triệu chứng trong đời sống hiện tại của cô. Dù cho những tưởng tượng rõ ràng là khác thường này, và tôi không chắc chắn về điều đó, cái mà cô tin hay nghĩ ngợi vẫn có thể nằm dưới những triệu chứng. Tóm lại, tôi đã thấy nhiều người bị chấn thương bởi những giấc mơ của họ. Một số người không thể nhớ được liệu một chấn thương hồi thơ ấu thực sự đã xảy ra hay xuất hiện trong giấc mơ, tuy ký ức về chấn thương này vẫn ám ảnh đời sống họ lúc trưởng thành.

Điều mà tôi chưa hoàn toàn cảm nhận là những ảnh hưởng gây tác hại hoành hành ngày lại ngày, cũng như những lời công kích cay nghiệt của cha mẹ, có thể gây chấn thương tâm lý nhiều hơn chỉ một biến cố chấn thương. Những ảnh hưởng tai hại này là do chúng pha trộn vào bối cảnh sống hàng ngày của chúng ta, rất khó để nhớ lại và xua đuổi chúng. Một đứa trẻ luôn luôn bị chỉ trích có thể mất nhiều lòng tin tưởng và lòng tự trọng như một người nhớ lại bị làm nhục vào một ngày đặc biệt hãi hùng nào đó. Một đứa trẻ ở trong một gia đình nghèo khổ chỉ có ít thực phẩm cho mỗi ngày có thể bị cùng những vấn đề tâm lý như một đứa trẻ đã trải qua nhiều ngày gần bị chết đói. Tôi hiểu ngay rằng những ảnh hưởng tiêu cực hoành hành ngày lại ngày phải được nhìn nhận và phải được giải quyết bằng nhiều lưu ý như đối với một

biến cố chấn thương nặng.

Catherine bắt đầu nói.

"Có những chiếc thuyền, giống như ca nô, sơn sáng chói. Vùng Providence. Chúng tôi có súng ống, giáo, ná bắn đá, cung và tên, nhưng lớn hơn. Có những mái chèo lớn lạ lùng trên những con thuyền ... ai cũng phải chèo thuyền. Chúng tôi có thể bị lạc, trời tối. Không có đèn đuốc. Tôi sợ hãi. Có những con thuyền khác cũng như chúng tôi (hình như của phe tấn công). Tôi sợ những con thú. Chúng tôi ngủ trên bộ da thú bản thủ. Chúng tôi đang đi thám sát. Giày của tôi trông thật ngộ nghĩnh, giống như bao tải ... buộc dây ở mắt cá ... bằng da thú. (ngừng lâu) Mặt tôi nóng lên vì lửa. Người của tôi đang giết những người kia, nhưng tôi không. Tôi không muốn giết. Con dao ở trong tay tôi"

Đột nhiên cô bắt đầu nói ríu rít và thở hổn hển. Cô thuật lại là một kẻ địch đã chop được cô từ phía sau cô, nắm lấy cổ và cắt họng cô bằng con dao của nó. Cô nhìn thấy mặt kẻ thù trước khi chết. Đó là Stuart (Bác sĩ, người tình nhân Do Thái của cô). Trông nó khác nhưng cô biết là chính nó. Johan chết vào lúc 21 tuổi. Tiếp đến cô thấy cô bay lơ lửng trên xác chết của mình, quan sát quang cảnh phía dưới. Cô dạt lên tận mây, cảm thấy lúng túng và bối rối. Một lúc sau cô cảm thấy bị kéo vào một không gian "nhỏ bé ấm áp". Cô sắp sửa được sinh ra.

"Người nào đó đang ẵm tôi", cô thì thầm nhẹ nhàng, "người nào đó giúp tôi ra đời. Bà đang mặc bộ đồ xanh với một cái tạp dề trắng. Bà đội một cái mũ trắng, gấp lại ở các góc. Căn phòng có những cửa sổ ngộ nghĩnh, nhiều ngăn. Tòa nhà bằng đá. Mẹ tôi có mái tóc đen dài. Bà muốn ẵm tôi. Bà mặc một cái áo ngủ vải thô thật nực cười... Áo đó sẽ bị hư khi chà sát lên nó. Thật dễ chịu ở dưới ánh mặt trời và lại được ẵm áp ... Đúng

là ... đúng là cùng người mẹ của tôi hiện nay!".

Trong những buổi thôi miên trước, tôi bảo cô quan sát kỹ những người đáng chú ý trong những kiếp sống ấy để xem liệu cô có thể nhận ra họ là những người đáng chú ý trong kiếp sống hiện nay của Catherine không. Theo đa số các tác giả, các nhóm linh hồn hay cùng nhau luân hồn lại nhiều lần, giải quyết nghiệp của họ (thiếu nợ người khác và của chính mình, những bài học phải học) trên khoảng thời gian của nhiều kiếp sống.

Trong hoài bão muốn hiểu biết màn kịch ngoạn mục lạ lùng đang được trải ra chưa được biết đến đối với phần còn lại của thế giới, trong phòng mạch lặng lẽ với ánh sáng mờ mờ, tôi muốn kiểm tra lại kiến thức này. Tôi cảm thấy cần phải áp dụng phương pháp khoa học mà tôi đã sử dụng mạnh mẽ trên 15 năm qua trong việc nghiên cứu của tôi để đánh giá thông tin hết sức bất thường này nảy sinh từ miệng Catherine.

Trong những buổi thôi miên chính Catherine càng ngày càng trở nên tâm linh. Cô có trực giác về con người và các sự kiện đã chứng minh là đúng. Trong lúc thôi miên, cô bắt đầu đoán trước được những câu hỏi của tôi trước khi tôi có dịp hỏi những câu hỏi. Nhiều giấc mơ của cô có xu hướng biết trước hay tiên đoán.

Có lần, khi cha mẹ cô đến thăm cô, cha của cô đã bày tỏ sự nghi ngờ khủng khiếp về việc đang xảy ra. Để chứng minh cho ông đó là sự thực, cô đưa ông đến trường đua ngựa. Ở đó ngay trước mắt ông, cô đã đoán trúng ngựa nào thắng trong mỗi cuộc đua. Ông hết sức ngỡ ngàng. Một lần cô biết chắc là đã chứng minh được điểm đó, cô đã đem tất cả tiền thắng trong cuộc đua cho người vô gia cư khổ sở đầu tiên cô gặp trên đường lúc ra khỏi trường đua. Cô trực giác cảm thấy quyền năng mới mà cô vừa đạt được không nên dùng để

kiếm tiền. Đối với cô, những quyền năng này có ý nghĩa cao cả hơn nhiều. Cô nói với tôi kinh nghiệm này làm cho cô hơi sợ hãi, nhưng cô rất vui với tiên bộ cô đạt được và cô mong muốn tiếp tục lùi về dĩ vãng. Tôi vừa bị choáng váng vừa bị cuốn hút trước khả năng tâm linh của cô, nhất là tình tiết ở trường đua ngựa. Đó là chứng cứ hiển nhiên. Cô đã có vé trúng ở mỗi cuộc đua. Không có sự trùng hợp ngẫu nhiên nào. Điều gì đó kỳ quặc đã xảy ra trong mấy tuần lễ vừa qua, và tôi đã vật lộn để bảo vệ cách nhìn của tôi. Tôi không thể phủ nhận khả năng tâm linh của cô. Và nếu những khả năng này là thật và có thể đưa ra những chứng cứ hiển nhiên, thì việc đọc lại những sự kiện ở tiền kiếp của cô cũng có thể là thật không?

Bây giờ cô trở lại về kiếp sống mà cô mới vừa sinh ra. Hóa thân này dường như gần đây hơn nhưng cô không nhận ra được năm nào. Tên cô là Elizabeth.

"Bây giờ tôi lớn hơn, có một anh và hai chị gái. Tôi nhìn thấy cái bàn ăn ... Cha tôi ở đây ... Ông là Edward (bác sĩ nhi khoa một lần nữa trở lại làm cha). Mẹ tôi và cha tôi lại đánh nhau. Thức ăn là khoai tây và đậu. Cha tôi giận dữ vì đồ ăn nguội. Họ đánh nhau nhiều. Ông lúc nào cũng uống rượu... Ông đánh mẹ tôi (Giọng của Catherine sợ hãi và cô run lên rõ ràng). Ông đẩy những đứa con. Ông không giống ông như trước đây, không phải cùng một người. Tôi không thích ông. Tôi muốn ông đi đi" Cô nói như một đứa trẻ nói.

Câu hỏi của tôi trong buổi này khác hẳn câu mà tôi thường dùng trong việc trị liệu tâm lý thông thường. Tôi hành động như một hướng dẫn viên cho Catherine, cố gắng xem lại toàn bộ một kiếp sống trong một hay hai tiếng, tìm kiếm những sự kiện gây chấn thương và những loại có hại có thể giải thích những triệu chứng hiện tại của cô. Trị liệu thông

thường được tiến hành với nhịp độ thông thả và chi tiết hơn. Mỗi lời nói do bệnh nhân lựa chọn đều được phân tích về sắc thái và nghĩa bóng. Mỗi nét mặt, mỗi cử chỉ, mỗi biến đổi giọng nói đều được xem xét và đánh giá. Mỗi phản ứng của cảm xúc đều được xem xét tỷ mỉ. Các kiểu ứng xử được cẩn thận lắp ráp vào với nhau. Tuy nhiên với Catherine, những năm tháng qua đi vù vù trong một phút. Các buổi thôi miên của Catherine giống như lái xe trong cuộc đua xe hơi Indy 500 đậm đặc hết ga ... cố gắng nhận ra các bộ mặt trong đám đông khán giả.

Tôi chuyển sự chú ý tới Catherine và yêu cầu cô hãy tiến xa hơn nữa.

"Bây giờ tôi có chồng. Nhà tôi có một phòng lớn. Chồng tôi có tóc vàng hoe. Tôi không biết anh (tức là chồng không xuất hiện trong hiện kiếp của Catherine) . Chúng tôi chưa có con. Anh rất tử tế với tôi. Chúng tôi yêu nhau và rất hạnh phúc". Hiển nhiên cô đã thoát khỏi sự áp chế ở nhà cha mẹ. Tôi hỏi liệu cô có thể nhận ra khu vực mà cô đã ở không.

"Brennington" Catherine ngập ngừng thì thầm. " Tôi nhìn thấy những cuốn sách có những bìa cũ ngổ nghĩnh. Cuốn to nhất đóng lại bằng một cái dây. Đó là cuốn Kinh Thánh. Có những chữ to lạ lùng ... tiếng Gaelic" (tiếng Xen-tơ).

Cô nói ở đây một số tiếng cô không nhận ra được. Không biết có phải là tiếng Gaelic hay không, tôi không biết.

"Chúng tôi sống trong vùng nội địa không gần biển. Xứ đó ... Brennington? Tôi thấy một nông trại có lợn và cừu. Đó là trại của chúng tôi". Cuối cùng cô tiếp tục. "Chúng tôi có hai con trai ... Đứa lớn đã lấy vợ. Tôi có thể nhìn thấy gác chuông nhà thờ... một tòa nhà bằng đá rất cổ.". Đột nhiên cô đau đầu, và Catherine trong cơn đau đớn, ôm lấy thái

dương bên trái. Cô kê là bị ngã trên bậc thềm đá, nhưng đã bình phục. Cô chết lúc tuổi già trên giường ở nhà với gia đình xung quanh.

Cô lại lơ lửng ra khỏi xác thân sau khi chết, nhưng lần này cô không hoang mang hay bối rối.

"Tôi nhận thấy một ánh sáng chói lọi. Thật là tuyệt vời; bạn có năng lượng từ ánh sáng ấy." Cô đang nghĩ ngợi, sau khi chết giữa những kiếp sống. Ít phút trôi qua lặng lẽ. Đột nhiên cô nói, không phải nói thì thâm chậm rãi như thường lệ trước đó, bây giờ cô nói to và khàn, không chút ngập ngừng.

"Nhiệm vụ của chúng tôi là học để trở thành như thần thánh qua kiến thức. Chúng tôi biết quá ít. Ông ở đây làm thầy tôi. Tôi phải học nhiều. Bằng kiến thức chúng ta gần Thượng Đế, và rồi chúng ta có thể nghĩ ngợi. Rồi chúng ta trở lại dạy và giúp đỡ người khác".

Tôi không nói được lời nào. Đây là một bài học từ sau cái chết của cô, từ trạng thái nửa nọ nửa kia. Nguồn gốc của tài liệu này là gì? Nó không giống của Catherine chút nào. Cô không bao giờ nói như thế, dùng những lời như thế, câu cú như thế. Cả đến giọng nói của cô cũng hoàn toàn khác hẳn.

Vào lúc đó tôi không hiểu được rằng mặc dù Catherine thốt ra những lời như vậy, cô đã không tạo ra những suy nghĩ ấy. Cô đang truyền điều đang được nói với cô. Sau này cô nhận diện ra là các bậc Thầy, những linh hồn tiến hóa cao không hiện diện nơi thân thể, là nguồn gốc. Họ có thể nói với tôi qua cô. Không chỉ Catherine có thể lùi về các tiền kiếp, mà bây giờ cô còn có thể truyền kiến thức từ thế giới bên kia. Kiến thức đẹp đẽ. Tôi phấn đấu để giữ tính cách khách quan.

Một phương chiều mới đã được mở ra. Catherine chưa bao giờ đọc những công trình nghiên cứu của Bác Sĩ Elisabeth Kubler-Ross hay Bác Sĩ Raymond Moody, cả hai bác sĩ này đã viết về những kinh nghiệm lúc cận tử. Cô cũng chưa bao giờ nghe nói về cuốn sách của người Tây Tạng về Người Chết. Thế mà cô đang kể ra những kinh nghiệm tương tự với những kinh nghiệm được miêu tả trong những bài viết này. Ấu cũng là là một bằng chứng. Giá mà có nhiều sự việc hơn, nhiều chi tiết rõ ràng hơn, tôi có thể xác minh. Sự hoài nghi của tôi thay đổi bất thường tuy vẫn còn. Có thể là cô đã đọc chuyện nghiên cứu về cận tử trong một tạp chí hay đã xem một cuộc phỏng vấn trên chương trình truyền hình. Mặc dù cô phủ nhận bất cứ một ký ức nào về bài báo hay chương trình truyền hình như thế, nhưng có lẽ cô đã giữ ký ức trong tiềm thức. Nhưng cô đã vượt qua những bài viết trước đây và truyền tin tức từ trạng thái nửa nọ nửa kia. Giá mà tôi có nhiều sự việc có thật hơn.

Sau khi tỉnh lại, Catherine nhớ những chi tiết về tiền kiếp, vẫn như thường lệ. Tuy nhiên cô không thể nhớ những gì xảy ra sau khi chết lúc là Elisabeth. Trong tương lai cô sẽ không bao giờ nhớ được chi tiết nào trong trạng thái nửa nọ nửa kia. Cô chỉ nhớ được những kiếp sống.

"Bằng kiến thức, chúng ta gần Thượng Đế". Chúng ta đang ở trên con đường của chúng ta.

(Còn tiếp)



Sự hồi sinh của Phật Giáo Ấn Độ

Thích Trí Quảng



Với tinh thần phục hưng Phật giáo tại đất nước Ấn Độ ngày càng phát triển, chúng ta kỳ vọng trong tương lai, Phật giáo Ấn Độ sẽ tạo được nhiều điều kiện thuận lợi cho người dân Ấn tìm được lời dạy quý báu của Đức Phật để áp dụng trong cuộc sống của chính họ.

Khi Đức Phật nhập diệt, Ngài có huyền ký rằng giáo pháp Phật sẽ trải qua 500 năm là thời Chánh pháp, 500 năm là thời tượng pháp và 1.000 năm là thời mạt pháp.

Sau khi Đức Phật vắng bóng trên cuộc

đời, trong khoảng thời gian 500 năm đầu, đa số các Tỳ-kheo còn giữ nguyên hạnh khát thực đầu đà theo tinh thần Phật dạy. Nhưng sang 500 năm thứ hai, chúng ta thấy Phật giáo Đại thừa phát triển rất mạnh, trong đó có những vị nổi danh như các vị Bồ-tát Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân... Và cũng từ đó, Phật giáo bắt đầu mở rộng về hướng Trung Đông, Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, với nét đặc trưng là Phật giáo bản địa đã kết hợp với nền văn hóa truyền thống của các dân tộc mà tạo thành sự phát triển rực rỡ của Phật giáo Đại thừa.

Trong khi đó, Phật giáo gốc ở Ấn Độ lại nảy sinh tình trạng tranh chấp giữa Phật giáo và Bà-la-môn giáo, sau cùng dẫn đến sự chỉ trích giữa Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa. Điều sai lầm này của giới Phật giáo Ấn Độ cho thấy ý nghĩa giải thoát trong đạo Phật đã bị lu mờ và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho quần chúng Ấn Độ mất tín tâm, khiến họ quay về đạo gốc của họ là Bà-la-môn giáo đặt nền tảng trên sự cầu nguyện. Có thể nói kể từ đó, Phật giáo Ấn Độ suy yếu dần, cho đến khi các đạo quân của Hồi giáo tràn vào xâm chiếm Ấn Độ và tàn phá các Thánh tích Phật giáo, sát hại các Tăng sĩ Phật giáo.

Đến thế kỷ XIII đã xảy ra sự việc đúng với điều Đức Phật dạy trong kinh điển rằng sau khi Phật nhập diệt, có những nơi mà tên Tam bảo còn không được nghe đến, biết đến. Thật vậy, ở Ấn Độ, người dân Ấn hoàn toàn không biết gì về Phật giáo, trong lúc đó Phật giáo Đại thừa lại phát triển rất mạnh ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn quốc...

Đến khi đất nước Ấn Độ được độc lập, thoát khỏi sự đô hộ của người Anh, cố Thủ tướng Nerhu là một trong những người có công lớn đã quan tâm đặc biệt đến Phật giáo; vì ngài nhận thấy rằng nguồn cội của Phật giáo phát xuất từ Ấn Độ, từ đó giáo pháp của Đức Phật đã lan tỏa đến nhiều quốc gia mà đến nơi nào Phật giáo cũng đã phát triển rực rỡ tạo thành nét đẹp đặc thù của văn hóa nơi đó, cũng như xây dựng được nếp sống hiếu biết, an vui, hạnh phúc cho đại đa số quần chúng, vậy mà người dân Ấn lại không hề

biết đến Phật giáo, quả thực là đáng thương.

Vì vậy, năm 1956, cố Thủ tướng Nerhu đã tổ chức hội nghị thế giới tại New Delhi quy tụ các vị đại biểu của các nước theo Phật giáo để kỷ niệm 2.500 năm Đức Phật nhập diệt. Với sự kiện trọng đại này, cùng với đại biểu của các quốc gia bạn, Hòa thượng Tố Liên đã đại diện cho Phật giáo Việt Nam sang Ấn Độ tham dự hội nghị và ngài trở về phổ biến tinh thần phục hồi Phật giáo Ấn Độ của cố Thủ tướng Nerhu đề xướng. Và đây chính là lần đầu tiên người dân Ấn Độ mới biết Phật giáo, mới biết Đức Phật đã ra đời ở đất nước họ từ 2.500 năm qua, mới biết sự hiện hữu của một đấng Toàn giác mà cả nhân loại phải kính ngưỡng. Và đây cũng là lần đầu tiên có một lễ quy y tập thể tổ chức tại Bồ Đề Đạo Tràng cho nửa triệu người Ấn thuộc thành phần cùng đing được phước duyên sống theo lời dạy của Đức Phật.

Ý tưởng phục sinh Phật giáo Ấn Độ cũng từ đó được phát triển mạnh mẽ và rộng lớn, đã thúc đẩy Chính phủ Ấn Độ quyết định thành lập Đại học Phật giáo ở Nalanda. Hòa thượng Thích Minh Châu lúc đó đã được Tổng hội Phật giáo Việt Nam gửi sang học ở Nalanda. 17 năm sau, tốt nghiệp học vị Tiến sĩ, ngài đã trở về Việt Nam và phát triển tinh thần giáo dục theo Nalanda để thành lập Đại học Vạn Hạnh.

Có thể nói một số du học Tăng khác từ các nước Thái Lan, Tích Lan... cũng xuất thân từ Đại học Nalanda ý thức được tinh thần hòa hợp giữa các nước theo Phật

giáo, để từ đó tạo thành ý thức rộng lớn trong việc đóng góp cho công cuộc phục hưng Phật giáo Ấn Độ. Và sự hồi sinh Phật giáo Ấn Độ càng trở nên mãnh liệt hơn khi Chính phủ Ấn Độ quyết định cấp đất cho các quốc gia theo Phật giáo đến xây dựng các ngôi chùa tiêu biểu cho Phật giáo của từng quốc gia tại Bồ Đề Đạo Tràng. Đại diện cho Phật giáo Việt Nam là chùa Việt Nam Phật Quốc tự do Hòa thượng Huyền Diệu xây dựng đầu tiên tại nơi này. Sau đó, các nước theo Phật giáo cũng tuân tự xây dựng các ngôi chùa chung quanh Bồ Đề Đạo Tràng.

Từ đó, khách hành hương khắp nơi trên thế giới mới tìm đến Bồ Đề Đạo Tràng và người Ấn mới nhận thấy đây là một cơ hội tốt đẹp cho họ tổ chức các chuyến du lịch văn hóa và tâm linh nơi đất Ấn; đồng thời, họ cũng tạo ra các sản phẩm mang tinh thần Phật giáo dùng làm kỷ vật lưu niệm cho khách hành hương. Ngày nay, số lượng khách hành hương đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng và các Thánh tích Phật giáo Ấn Độ ngày càng nhiều hơn. Hiện nay, người dân Ấn quy y theo đạo Phật tuy có gia tăng, nhưng cũng chỉ là một con số quá khiêm tốn so với một tỷ dân Ấn Độ.

Tóm lại, với tinh thần phục hưng Phật giáo tại đất nước Ấn Độ ngày càng phát triển, chúng ta kỳ vọng trong tương lai, Phật giáo Ấn Độ sẽ tạo được nhiều điều kiện thuận lợi cho người dân Ấn tìm được lời dạy quý báu của Đức Phật để áp dụng trong cuộc sống của chính họ, giúp họ thăng hoa được đời sống tâm linh và phát triển được đời sống vật chất.

Ngoài ra, thiết nghĩ Tăng Ni và Phật tử khắp nơi trên thế giới cần rút ra bài học kinh nghiệm quá đắt của Phật giáo Ấn Độ xưa kia, rằng không bao giờ cho phép chúng ta rời khỏi tinh thần giải thoát của Đức Phật; vì xa rời nếp sống giải thoát là ngọn lửa châm ngòi cho sự bùng nổ mọi việc tranh chấp, dẫn đến những thảm họa và Phật giáo sẽ tự diệt vong. Chắc chắn đó không phải là con đường sáng suốt và từ bi của Đức Phật vạch ra cho tất cả hàng đệ tử nối bước dấu chân Ngài trên thế gian này.

Trích Nguyệt san Giác Ngộ

Thích Trí Quảng



Thập đại đệ tử

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Thập đại đệ tử (**chữ Hán**: 十大弟子, **tiếng Tạng chuẩn**: ཉམ་ཐོས་ཉེ་འཁོར་བཟུ་) là danh xưng dùng để chỉ mười đệ tử quan trọng của Phật **Thích-ca Mâu-ni**, hay được nhắc nhở trong kinh sách **Đại thừa** (**tiếng Phạn**: mahāyāna).

Nguồn gốc

Trong các kinh điển Phật giáo, trong quá trình phát triển của **Tăng đoàn**, thỉnh thoảng ghi chép lại những lời khen ngợi của Thích-ca Mâu-ni dành cho các đệ tử nổi bật ở một vài khía cạnh. Trong kinh **Tăng Nhất A Hàm**, ghi nhận các đệ tử đứng đầu giáo đoàn về từng phương diện khác nhau, được Phật xác nhận, như **Kiều-trần-nhu** có pháp lập cao nhất; **Xá-lợi-phất** có trí tuệ siêu việt nhất, **Mục-kiền-liên** thần thông bậc nhất... Thống kê ghi nhận được có cả thầy 41 tỉ kheo, 13 tỉ kheo ni, 11 cư sĩ nam và 10 cư sĩ nữ, từng được Phật Thích-ca Mâu-ni khen ngợi như thế. Một số đệ tử còn được ông giao cho thay mặt thuyết pháp cho các đệ tử khác và một số bài thuyết pháp của các đại đệ tử này được ghi nhận trong các bài Kinh.

Danh vị Thập đại đệ tử

Theo kinh điển Phật giáo Bắc truyền^[1] thì thứ tự danh vị của 10 vị này như sau:

1. **Ma-ha-ca-diếp** (Hán tự: 摩訶迦葉, **tiếng Nam Phạn**: Mahākassapa, **tiếng Phạn**: mahākāśyapa, **tiếng Tạng chuẩn**: འོད་སྤྱང་ཆེན་པོ་): Đâu-đà (tu khô hạnh) Đệ nhất, được xem là Sơ tổ **Thiền tông** Ấn Độ; ông là người yêu cầu mở **đại hội kết tập kinh**

điền lần đầu tiên của Phật giáo.

Ma Ha Ca Diếp

2. **Mục-kiền-liên** (Hán tự: 目犍連, **tiếng Nam Phạn**: Moggallāna, **tiếng Phạn**: mahāmaudgalyāyana, **tiếng Tạng chuẩn**: མཐུ་འགལ་གྱི་བྱ་): Thân thông Đệ nhất, hay đi đôi với **Xá-lợi-phất**; sau khi xuất gia được 7 ngày ông đã đoạn trừ hết các lậu hoặc, chứng quả **A-la-hán**.

Mục Kiền Liên

3. **Phú-lâu-na** (Hán tự: 富樓那, **tiếng Nam Phạn**: Pūraṇa, **tiếng Phạn**: pūrṇa, **tiếng Tạng chuẩn**: གད་པོ་): Thuyết Pháp Đệ nhất.

Phú Lâu Na

4. **Tu-bồ-đề** (Hán tự: 須菩提, **tiếng Phạn**: Subhūti, **tiếng Phạn**: subhūti, **tiếng Tạng chuẩn**: བཤམ་འཕྱོར་): Giải **Không** Đệ nhất. Tu-bồ-đề thường xuất hiện trong kinh điển hệ **Bát-nhã-ba-la-mật-đa**.

Tu Bồ Đề

5. **Xá-lợi-phất** (Hán tự: 舍利弗, **tiếng Nam Phạn**: Śāriputta, **tiếng Phạn**: śāriputra, **tiếng Tạng chuẩn**: ཤ་རིའི་བྱ་): Trí huệ Đệ nhất, đệ tử quan trọng nhất của Phật trong các kinh **Tiểu thừa**; trước khi xuất gia, ông là một luận sư nổi tiếng trong giáo đoàn **Bà-la-môn**.

Xá Lợi Phất

6. **La-hầu-la** (Hán tự: 羅睺羅, **tiếng Nam Phạn**: Rāhula, **tiếng Phạn**: rāhula, **tiếng Tạng**

chuân: སྐྱ་གཙན་འཛིན་): Mật hạnh Đệ nhất, ông cũng là người con duy nhất của Thái tử **Tất-đạt-đa** (sau này thành Đức Phật Thích Ca Mâu Ni).

La Hầu La

7. **A-nan-đà** (Hán tự: 阿難陀, **tiếng Nam Phan:** Ānanda, **tiếng Phan:** ānanda, **tiếng Tang chuẩn:** ཀུན་དགའ་ཙོ་): Đa văn Đệ nhất, người "nghe và nhớ nhiều nhất", được xem là Nhị tổ Thiền tông **Ấn Độ**. A-nan-đà hay được trình bày trong tranh tượng đứng bên cạnh Phật cùng với Ma-ha-ca-diếp; tuy là Đa văn Đệ nhất nhưng sau khi Đức Phật nhập **Niết-bàn** ông mới chứng quả A-la-hán rạng sáng ngày kết tập kinh điển đầu tiên.

A Nan Đà

8. **Ưu-bà-li** (Hán tự: 優波離, **tiếng Nam Phan:** Upāli, **tiếng Phan:** upāli, **tiếng Tang chuẩn:** ཉེ་བར་འཕོང་): Giới luật Đệ nhất;

Ưu Bà Ly

9. **A-na-luật** (Hán tự: 阿那律, **tiếng Nam Phan:** Anuruddha, **tiếng Phan:** aniruddha, **tiếng Tang chuẩn:** མ་འགགས་པ་): Thiên nhãn Đệ nhất;

A Nan Luật

10. **Ca-chiên-diên** (Hán tự: 迦旃延, **tiếng Nam Phan:** Kātyāyana, **tiếng Phan:** katyāyana, **tiếng Tang chuẩn:** ཀ་ཅའི་བྱ་): Biện luận Đệ nhất;

Ca Chiên Diên

Theo **Phật học Đại từ điển**, danh vị 10 đại đệ tử giống như kinh điển Bắc truyền, nhưng thứ tự có thay đổi:

Xá-loi-phát: Trí huệ đệ nhất

Mục-kiên-liên: Thần thông đệ nhất

Ma-ha-ca-diếp: Đầu đà đệ nhất

A-na-luật: Thiên nhãn đệ nhất

Tu-bồ-đề: Giải không đệ nhất

Phú-lâu-na: Thuyết Pháp đệ nhất

Ca-chiên-diên: Luận nghĩa đệ nhất

Ưu-bà-li: Trì luật đệ nhất

La-hầu-la: Mật hành đệ nhất

A-nan-đà: Đa văn đệ nhất

Các đại đệ tử khác

Theo **kinh điển Pāli**, danh vị các đại đệ tử được ghi nhận tản mát và có số lượng nhiều hơn 10 như **Thi-bà-la** (Sīvali): Tài lộc đệ nhất (Phước đức đệ nhất),...

Những đệ tử đầu tiên[sửa | sửa mã nguồn]

Trong kinh điển nguyên thủy, có ghi nhận 2 người đầu tiên được Phật **Thích-ca Mâu-ni** thuyết giảng sau khi đắc đạo là 2 thương nhân là **Tapussa (Sa-lê-phú-ba)** và **Bhallika (Bác-lê-ca)**, vốn đang tháp tùng 500 cỗ xe bò, chở hàng hóa từ vùng Ukkalā đến buôn bán tại miền Majjhimapadesa. Theo văn hóa kính trọng tu sĩ bấy giờ, khi gặp tu sĩ **Tất-đạt-đa Cồ-đàm**, họ đã thực hành cúng dường vật thực cho ông và được ông thuyết giảng.^[2]^[3] Nội dung thuyết giảng này không được ghi nhận lại, nhưng tương truyền sau khi được thuyết giảng, 2 thương nhân này đã xin Đức Phật ban cho Xá lợi tóc và Xá lợi tóc ấy còn được tôn thờ cho đến ngày này tại **ngôi bảo tháp Shwedagon (Yangon, Myanmar)**.

Cũng theo kinh điển nguyên thủy, 2 thương nhân này được xem là 2 cận sự nam đã quy y Nhị Bảo đầu tiên, gọi là Dvevācikasaraṇagamana. Về sau, Bhallika xuất gia trở thành Tỳ kheo và đắc quả **A-la-hán**.^[2]

Người Mẹ Già

Bùi Phạm Thành chuyên ngữ



Ngày xưa ngày xưa, bên Nhật, ở dưới chân núi nọ có một ngôi nhà nhỏ, nơi đó có một anh nông dân trẻ và người mẹ già của anh ta. Họ có một mảnh đất nhỏ để trồng trọt rau cỏ, cây trái mà sinh sống, và như thế, hai mẹ con họ sống rất êm đềm và hạnh phúc.

Hai mẹ con người nông dân đó sống dưới quyền cai trị của một vị sứ quân. Ông ta là một võ sĩ đạo, thế nhưng lại có tư tưởng rất hẹp hòi về những người bệnh hoạn và yếu đuối. Bởi thế, ông ta đã truyền ra một mệnh lệnh rất tàn nhẫn. Toàn thể dân trong vùng

phải tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh là, ngay lập tức, phải giết chết tất cả những người già cả. Trong thời bấy giờ, con người vẫn còn man rợ, và phong tục phé bỏ người già, để mặc cho chết là chuyện thường tình. Thế nhưng anh nông dân này thì rất yêu kính mẹ của anh ta, nên cảm thấy rất đau buồn về lệnh của vị sứ quân. Tuy nhiên, không ai dám trái lệnh của sứ quân, bởi vậy các người trẻ không thể làm gì khác hơn là chuẩn bị một cái chết êm đẹp nhất cho cha mẹ già của họ.

Vào lúc chiều xuống, ngay sau khi xong công việc đồng áng, người nông dân lấy một số gạo thật ngon, đây là loại thực phẩm chính của nông dân nghèo thời bấy giờ, nấu chín, rồi nắm lại thành nhiều nắm cơm, và dùng vải buộc thành một dây đeo quanh cổ, cùng với những bầu đựng nước ngon ngọt nhất mà anh ta có thể tìm thấy. Thế rồi anh ta cõng người mẹ già trên lưng và bắt đầu một cuộc hành trình đau thương nhất trên đời, leo lên đỉnh núi. Con đường lên núi thì thật dài, nhỏ hẹp và chằng chịt với những lối đi được tạo nên bởi những kẻ đốn cây hay săn thú rừng. Thế cho nên, người nông dân đã bị lạc ở một vài nơi, nhưng anh ta vẫn len lỏi và cố gắng để có thể leo lên đỉnh núi, nơi có tên là Obatsuyama, có nghĩa là "nơi phé bỏ người già."

Trái với sự mệt nhọc của người con, đôi mắt vẫn còn tinh anh của người mẹ già đã nhìn ra những rắc rối, khó khăn của những con đường leo núi chằng chịt. Lòng mẹ thương con khiến bà ta nghĩ rằng con trai mình sẽ, không những, gặp khó khăn trên đường xuống núi, mà có thể bị lạc vào những con đường nguy hiểm. Thế cho nên bà đã, lặng lẽ, cố gắng vươn cánh tay già nua, yếu đuối để bẻ những nhánh cây, vớt xuống đường làm dấu.

Sau cùng thì người con đã cõng mẹ lên đến đỉnh núi. Người nông dân, trong lòng đau xót vô cùng nhưng vẫn nén lòng để sửa soạn cho mẹ mình một chỗ nằm cuối cùng thật yên ấm. Anh ta thu góp những lá thông

để làm thành một chiếc nệm thật êm và đặt người mẹ nằm trên đó, rồi với dòng nước mắt chan hoà trên mặt, anh ta vái lạy từ biệt người mẹ thân yêu.

Với giọng nói run rẩy, và tâm lòng yêu thương bao la của người mẹ, bà ta dặn dò người con lần cuối "Con hãy cẩn thận thận trên đường về. Đường lối chằng chịt, dễ bị lạc. Mẹ đã bẻ nhánh cây vớt xuống đường làm dấu, con cứ theo đó để về nhà an toàn." Người con rất ngạc nhiên quay lại nhìn con đường núi vừa đi qua và đôi tay gầy guộc của mẹ già với hàng trăm vết trầy xước còn rướm máu. Quá đau xót, anh ta quỳ xuống đất, với giọng nói nghẹn ngào đầy nước mắt "Lòng mẹ thương con quả là bao la như trời biển. Con không thể để mẹ ở nơi này. Nếu sứ quân có xử con tội chết, thì con sẽ cùng chết bên mẹ."

Và như thế, dưới ánh trăng soi đường, người nông dân cõng mẹ xuống núi trở về ngôi nhà nhỏ của họ ở dưới chân núi. Rồi thì anh ta cố gắng che dấu người mẹ, cho dù phải sống trong sự sợ hãi bởi mệnh lệnh của vị sứ quân. Thời gian lặng lẽ trôi qua. Một hôm vị sứ quân, vì muốn chứng tỏ quyền uy tối thượng của mình, đã ra một mệnh lệnh kỳ quặc rằng người dân sống dưới quyền cai trị của ông phải làm cho được một sợi dây bằng tro.

Nghe qua lệnh này tất cả người dân trong làng đều run sợ. Bởi vì họ phải tuân lệnh của

sứ quân một cách tuyệt đối, thế nhưng làm sao có được một sợi dây bằng tro? Đêm nọ, người nông dân than thở với người mẹ về lệnh của sứ quân. Người mẹ nói rằng "Con không nên quá lo lắng. Hãy chờ ta một chút. Hãy để ta suy nghĩ." Ngày hôm sau, người mẹ bảo con "Hãy bện một sợi dây bằng rơm, rồi để trên một phiến đá, sau đó đốt cháy nó." Người nông dân đem lời khuyên đó nói với dân trong làng, và kết quả là sau khi đốt thì quả nhiên có một sợi dây bằng tro nằm trên phiến đá.

Vị sứ quân rất hài lòng và khen ngợi người nông dân trẻ tuổi, và hỏi rằng từ đâu một người trẻ tuổi như anh nông dân này lại có một kiến thức thông minh như thế. Người nông dân kính cẩn "Thưa tướng quân, tôi không dám dấu ..." Và anh ta đã nói rõ sự

Dasaka

(tiếp theo trang 16)

"Những ai mê ngủ ham ăn
Lăn qua trở lại ngủ lăn suốt ngày
Như con heo mập ăn hoài
Người ngu tiếp tục chuối ngày thai sanh."

Bài kệ rõ ràng đang chỉ trách một người ham ăn mê ngủ là Dasaka... khiến sư hốt hoảng và hổ thẹn đến toát mồ hôi. Từ đó tỳ kheo Dasaka tinh cần tu tập. Công khó của thầy cuối cùng cũng được đền bù xứng đáng. Sau một thời gian hạ thủ, tỳ kheo Dasaka đắc quả A La Hán.

Đức A La Hán Dasaka không làm thêm một bài kệ mới nào. Ngài chỉ đọc lại bài kệ cảnh tỉnh của đấng đạo sư đối với ngài trên, như một lời tuyên bố về chánh trí của La Hán Dasaka.

ình. Vị sứ quân lắng nghe câu chuyện, và sau một khoảng thời gian cúi đầu suy ngẫm, ông ta ngừng mặt lên tuyên bố "Sự khôn ngoan không phải chỉ có ở giới trẻ. Trong giây phút, ta đã quên rằng 'Bên dưới mái tóc bạc trắng như tuyết là cả một kho tàng về kinh nghiệm và sự khôn ngoan.'"

Kể từ đó, cái luật lệ quái ác kia đã bị bãi bỏ, và câu chuyện này được truyền tụng lại ngàn sau như một chuyện ngụ ngôn để người đời suy ngẫm.

Bùi Phạm Thành

(ngày 11 tháng 9 năm 2021)

Chuyển ngữ theo **The Aged Mother** của tác giả **Matsuo Basho** (1644 - 1694)

<https://americanliterature.com/author/matsuo-basho/sort-story/the-aged-mother>



Nhìn ngọn nến khuya

Tuệ Sỹ

Ta cúi xuống trên chạn người bụi đò
Để nhìn sâu trong vết tích hoang đường
Ta sống lại trên môi cười rạn rờ
Để nhìn sâu trong ngọn nến tàn canh

Nha Trang 1977

Nguồn: Tuệ Sỹ, *Giấc mơ Trường Sơn*, An Tiem xuất bản, California, 2002

VỀ bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

**Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học**



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

**Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252**

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368